ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-299/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và lượng mưa nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp ngày 25/10 trên các sông, kênh ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 75-195cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 25/10 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-130cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 25/10 đều ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-185cm
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô biến đổi chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 25/10 ở mức 49cm, xuống 02cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, sau đó xuống chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên theo kỳ triều Rằm tháng Chín Âm Lịch, đỉnh triều cao nhất có khả năng xuất hiện từ ngày 26-27/10, sau đó xuống dần.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên theo triều, đỉnh triều cao nhất trong 5 ngày tới ở mức trên BĐ1 đến dưới BĐ2, chân triều thấp nhất xuống đến hết ngày 29/10.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng khu vực trũng, thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trong khu vực nội đồng vùng TGLX. Ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới và xã Mỹ Hòa Hưng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất tại địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 27/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	25/10		24/10				26/10	27/10	28/10	29/10	30/10
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	233	0	◆	-118 ▼	-102 ▼	233	235	231	227	223
					Hmin	159	0	◆	-161 ▼	-157 ▼	160	163	162	158	154
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	222	0	◆	-71 ▼	-26 ▼	223	225	221	217	213
					Hmin	113	0	◆	-120 ▼	-95 ▼	121	125	123	117	111
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	274	-1	▼	-182 ▼	-129 ▼	268	269	267	263	259
					Hmin	257	-2	▼	-194 ▼	-137 ▼	255	255	254	251	248
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	237	2	▲	-92 ▼	-73 ▼	237	240	235	230	225
					Hmin	147	-2	▼	-150 ▼	-142 ▼	153	156	155	151	147
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	228	4	▲	-38 ▼	18 ▲	230	235	233	228	223
					Hmin	100	1	▲	-91 ▼	-55 ▼	110	114	112	106	100
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	224	1	▲	-69 ▼	-37 ▼	225	228	226	221	216
					Hmin	119	0	◆	-125 ▼	-108 ▼	126	125	119	113	107
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	177	-10	▼	-179 ▼	-126 ▼	171	164	159	154	149
					Hmin	170	-7	▼	-183 ▼	-130 ▼	163	156	152	147	143
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	110	-2	▼	-96 ▼	-71 ▼	110	108	106	104	102
					Hmin	104	-4	▼	-101 ▼	-75 ▼	106	104	101	99	97
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	117	-4	▼	-53 ▼	-22 ▼	115	113	111	109	107
					Hmin	114	-2	▼	-54 ▼	-22 ▼	111	109	107	105	103
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	98	-3	▼	-63 ▼	-32 ▼	101	99	97	95	93
					Hmin	95	-3	▼	-64 ▼	-33 ▼	98	96	94	92	90
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	108	-2	▼	-62 ▼	-29 ▼	110	108	106	104	102
					Hmin	105	-3	▼	-63 ▼	-30 ▼	107	105	103	101	99
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	129	-3	▼	-111 ▼	-84 ▼	126	124	122	119	116
					Hmin	124	-4	▼	-113 ▼	-87 ▼	121	120	118	114	111
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	139	-2	▼	-74 ▼	-31 ▼	137	136	134	133	132
					Hmin	135	-3	▼	-76 ▼	-33 ▼	134	133	130	129	128
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	101	-3	▼	-41 ▼	-12 ▼	99	98	97	96	95
					Hmin	98	-3	▼	-43 ▼	-14 ▼	96	95	94	93	92
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	105	-3	▼	-88 ▼	-74 ▼	99	97	96	95	94
					Hmin	98	-7	▼	-94 ▼	-79 ▼	96	94	93	92	91
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	147	0	◆	-65 ▼	-23 ▼	144	143	141	139	137
					Hmin	137	-3	▼	-71 ▼	-29 ▼	134	135	133	131	129
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	180	3	▲	-98 ▼	-45 ▼	178	177	174	171	168
					Hmin	155	1	▲	-111 ▼	-62 ▼	153	151	149	146	143

Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**138**	0 ◆▶	-71 ▼	-38 ▼	136	135	132	129	126
					Hmin	**118**	-2 ▼	-77 ▼	-50 ▼	111	109	107	104	101
	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**112**	-1 ▼	-48 ▼	-11 ▼	110	108	107	107	107
					Hmin	**108**	-2 ▼	-48 ▼	-12 ▼	105	104	103	103	103
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**92**	-1 ▼	-36 ▼	-19 ▼	91	89	88	88	87
					Hmin	**91**	-1 ▼	-32 ▼	-18 ▼	89	87	86	86	85
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**51**	-4 ▼	-30 ▼	-6 ▼	55	60	63	66	69
					Hmin	**-1**	-4 ▼	-22 ▼	-7 ▼	6	11	9	6	3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**49**	-2 ▼	-39 ▼	-2 ▼	60	67	74	81	88
					Hmin	**-13**	11 ▲	-9 ▼	2 ▲	-15	-20	-24	-28	-24

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◆▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

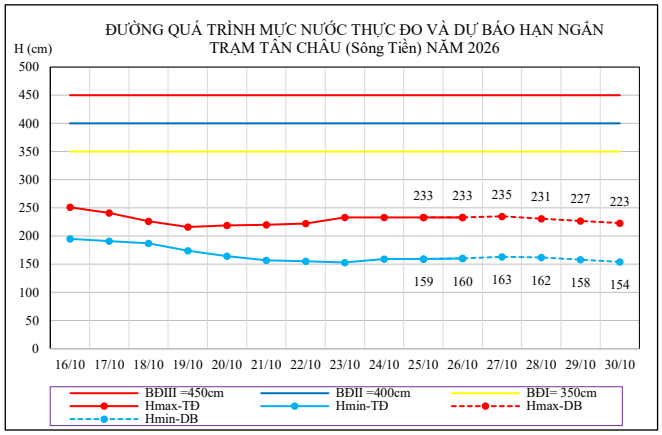

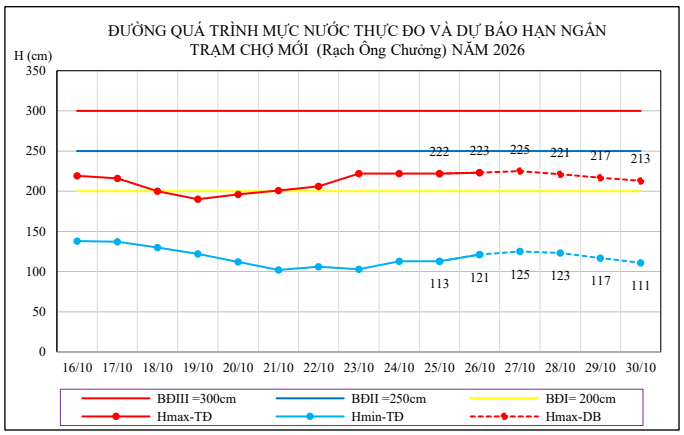

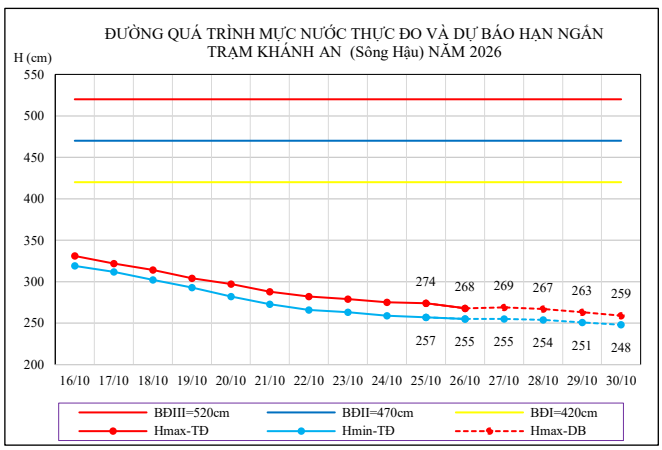

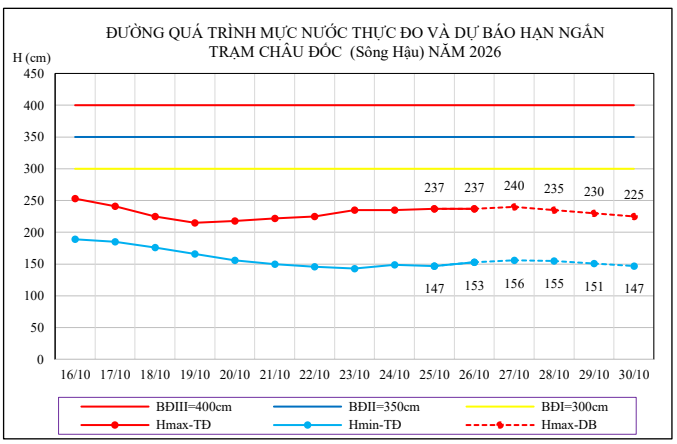

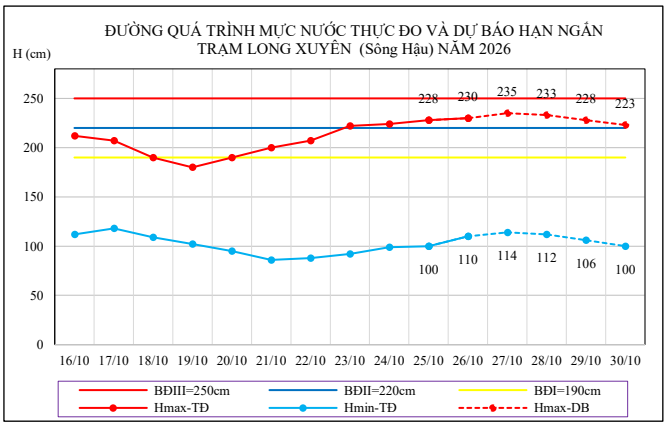

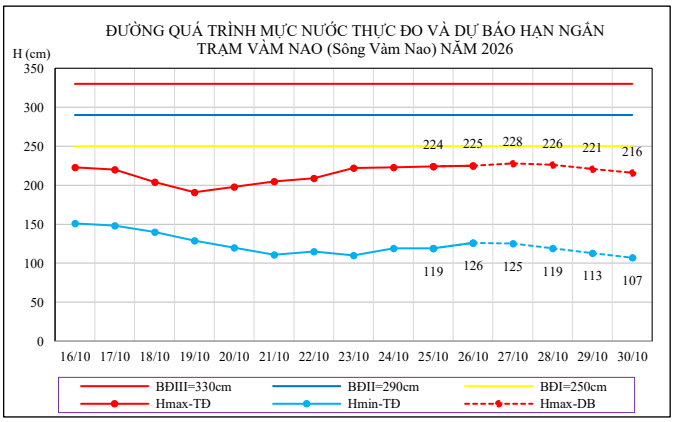

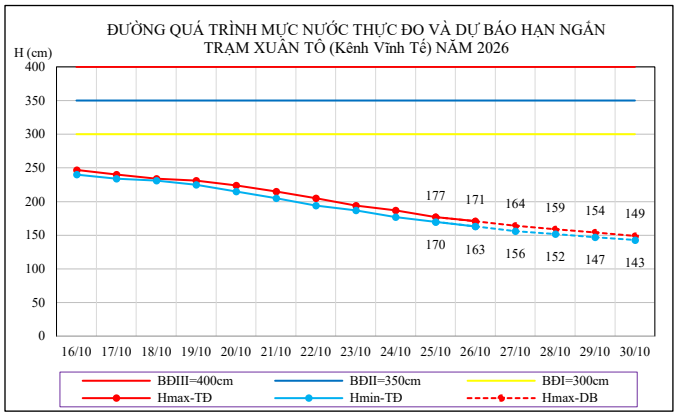
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
400
350
300
250
200
150
100
50
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
177 171 164 159 154 149
170 163 156 152 147 143
BĐIII=400cm
BĐII=350cm
BĐI=300cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

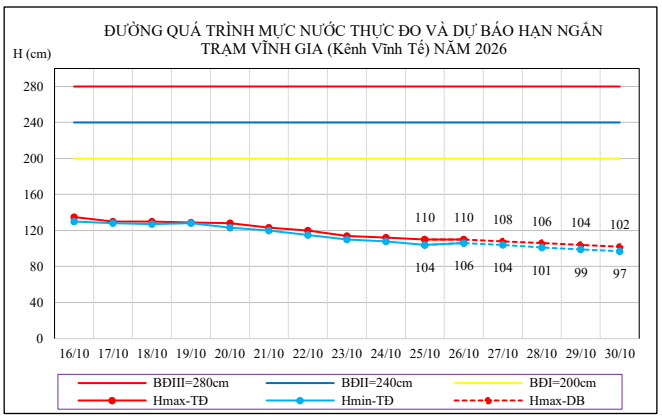
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
280
240
200
160
120
80
40
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
110 110 108 106 104 102
104 106 104 101 99 97
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

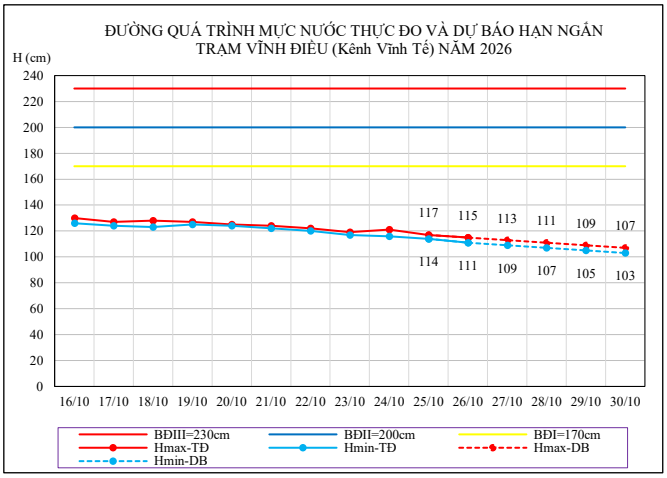
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
117 115 113 111 109 107
114 111 109 107 105 103
BĐIII=230cm
BĐII=200cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

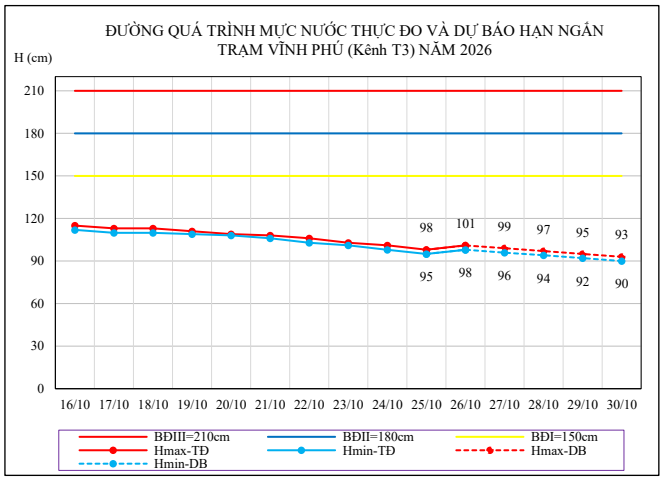
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
210
180
150
120
90
60
30
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
98 101 99 97 95 93
95 98 96 94 92 90
BĐIII=210cm
BĐII=180cm
BĐI=150cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

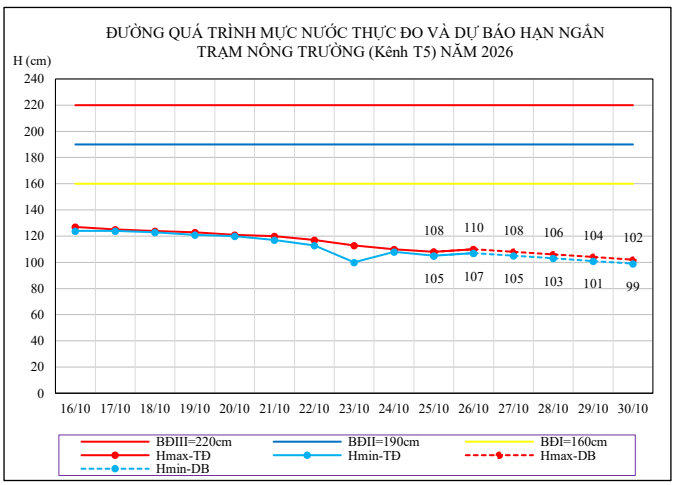
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
108 110 108 106 104 102
105 107 105 103 101 99
BĐIII=220cm
BĐII=190cm
BĐI=160cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

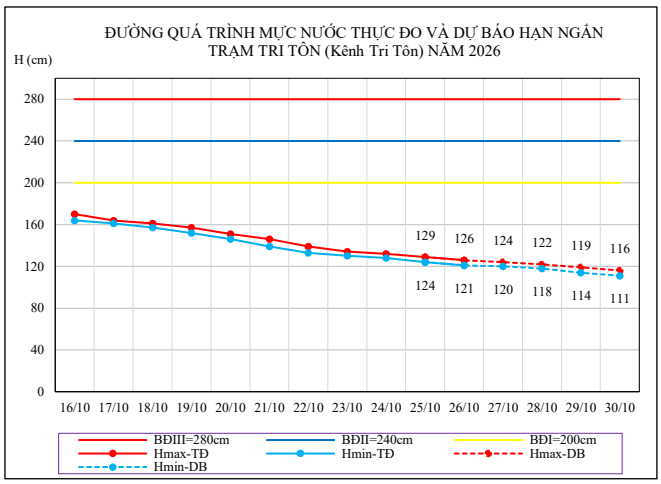
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
280
240
200
160
120
80
40
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
129 126 124 122 119 116
124 121 120 118 114 111
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

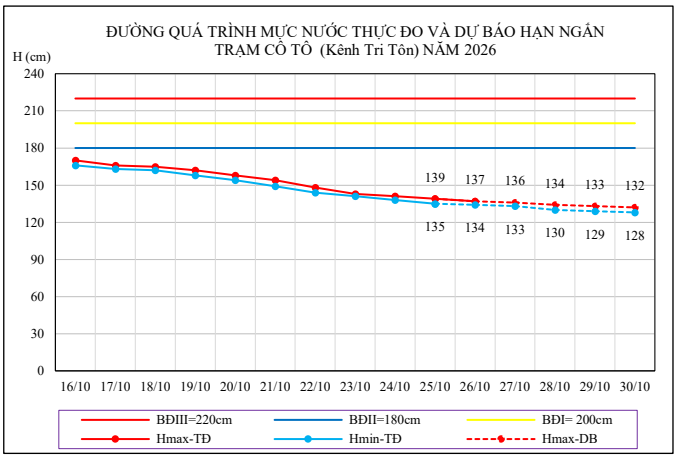
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỔ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
240
210
180
150
120
90
60
30
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
139 137 136 134 133 132
135 134 133 130 129 128
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI= 200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

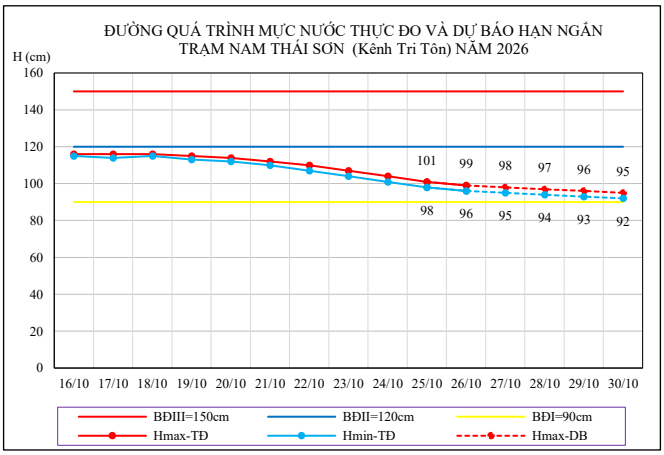
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
160
140
120
100
80
60
40
20
0
16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10 27/10 28/10 29/10 30/10
101 99 98 97 96 95
98 96 95 94 93 92
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

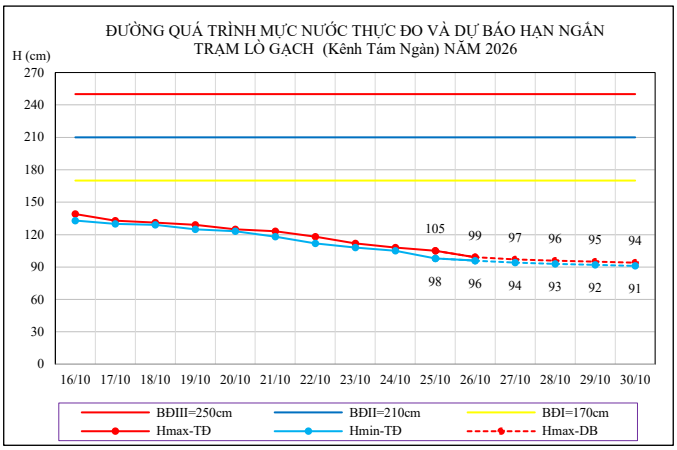
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
105 99 97 96 95 94
98 96 94 93 92 91
BĐIII=250cm
BĐII=210cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

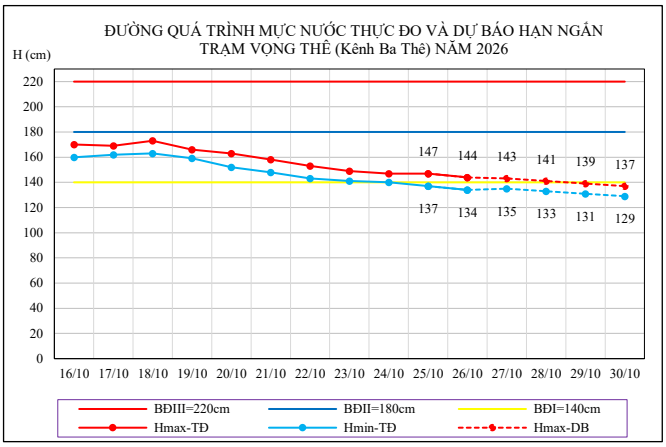
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
147 144 143 141 139 137
137 134 135 133 131 129
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI=140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

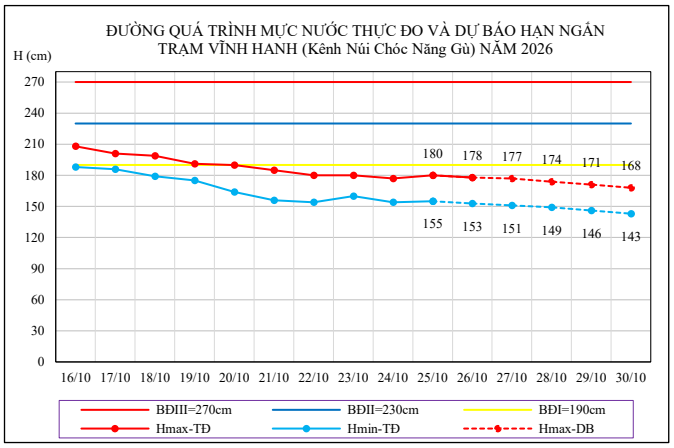
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
180 178 177 174 171 168
155 153 151 149 146 143
BĐIII=270cm
BĐII=230cm
BĐI=190cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

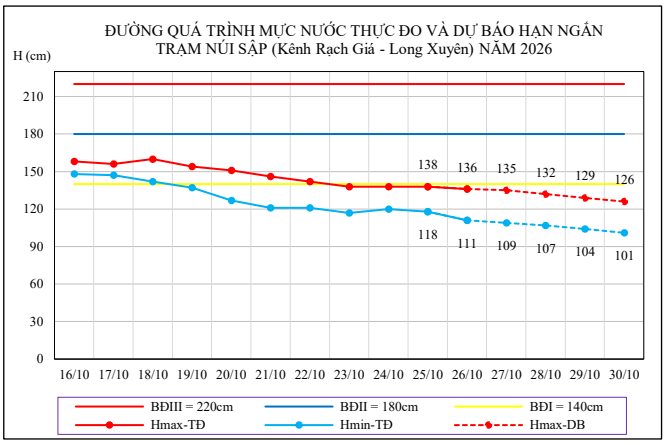
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
138 136 135 132 129 126
118 111 109 107 104 101
BĐIII = 220cm
BĐII = 180cm
BĐI = 140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

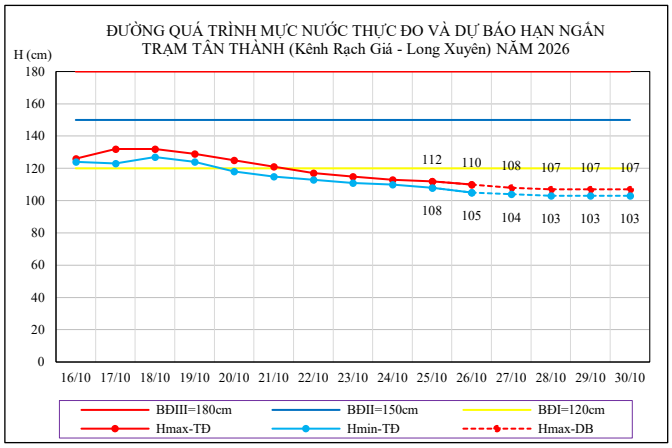
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
112 110 108 107 107 107
108 105 104 103 103 103
BĐIII=180cm
BĐII=150cm
BĐI=120cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

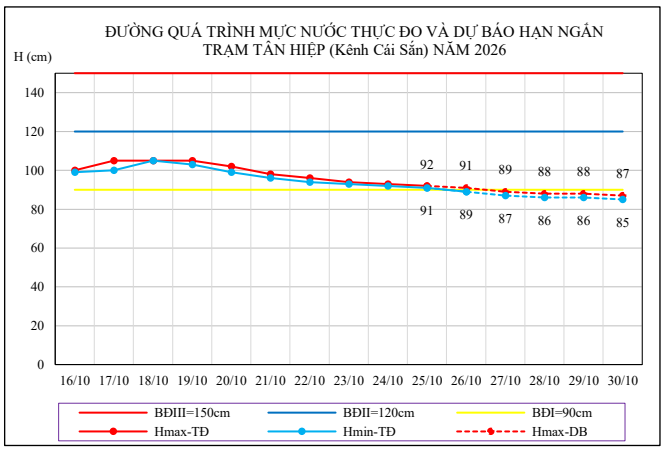
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
92 91 89 88 88 87
91 89 87 86 86 85
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

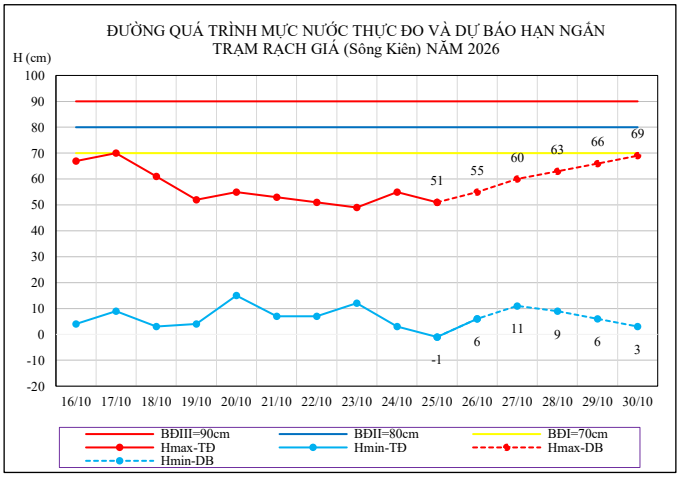
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
51 55 60 63 66 69
-1 6 11 9 6 3
BĐIII=90cm
BĐII=80cm
BĐI=70cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

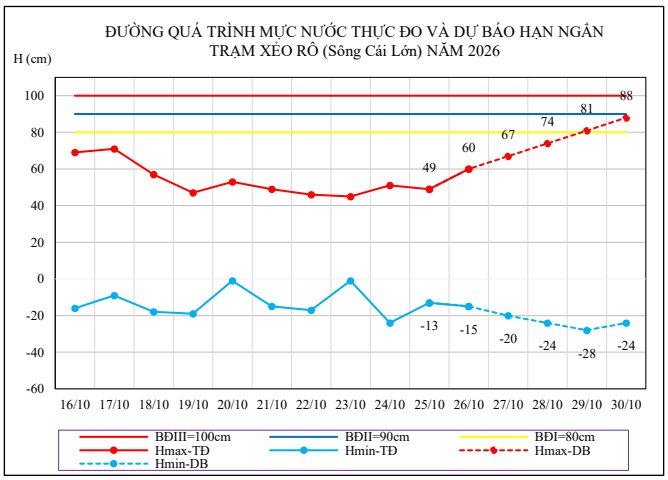
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
49 60 67 74 81 88
-13 -15 -20 -24 -28 -24
BĐIII=100cm
BĐII=90cm
BĐI=80cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB